

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

---\*&---

Bản án số: **834/2020/HS-PT**

Ngày: **09.11.2020**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----\*\*&-----

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Chữ Phương Ngọc**.

Thẩm phán: Ông **Nguyễn Năng Thành**.

Ông **Vũ Quang Huy**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Huy** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Liễu** - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 09.11.2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm C khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 694/2020/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020 do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2020/HSST ngày 18.8.2020 của TAND thị xã ST, TP. Hà Nội.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Việt C** - Sinh năm: 1997, tại Hà Nội.

ĐHKTT: Thôn KĐ, xã KS, thị xã ST, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Nguyễn Trung K, sinh năm: 1969; Con bà: Nguyễn Thị C, sinh năm: 1973; Vợ, con: Chưa; Tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 22/9/2015, CATX ST xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản bằng hình thức “Cảnh cáo”; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26.02.2020 đến ngày 06.3.2020, bị bắt ngày 21.5.2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội.

Có mặt.

- Bị hại kháng cáo: Anh **Phùng Văn N**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn KĐ 2, xã KS, thị xã ST, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt.

- Bị cáo không kháng cáo nên Toà án không triệu tập đến phiên tòa:

**1.** Họ và tên: **Nguyễn Tuấn A** - sinh năm 2000, tại Hà Nội.

ĐHKTT: Thôn KĐ 2, xã KS, thị xã ST, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Nguyễn Văn H và bà Phùng Thị T; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 22.9.2015, Công an thị xã ST xử phạt

vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản bằng hình thức “Cảnh cáo”; Bị cáo bị bắt ngày 26.02.2020. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã ST.

**2. Họ và tên: Đỗ Tất Đ** – sinh ngày: 17.02.2003, tại Hà Nội.

(Khi phạm tội 17 tuổi 09 ngày)

ĐHKTT: Thôn VT, xã TM, thị xã ST, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông Đỗ Văn Chiêu và bà Trần Thị Bé; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26.02.2020 đến ngày 06.3.2020, bị bắt ngày 21.5.2020. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Đ: Ông Đỗ Văn C, sinh năm: 1978; ĐKHKT: Thôn VT, xã TM, thị xã ST, thành phố Hà Nội. - Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Tất Đ: Ông Nguyễn Danh S, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý thành phố Hà Nội.

**3. Họ và tên: Trương Văn D** – sinh ngày: 01.9.2003, tại Hà Nội.

(Khi phạm tội 16 tuổi 5 tháng 25 ngày)

ĐHKTT: Thôn VT, xã TM, thị xã ST, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Trương Văn S và bà Nguyễn Thị H; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26.02.2020 đến ngày 06.3.2020, bị bắt ngày 21.5.2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo D: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1972; ĐKHKT: Thôn VT, xã TM, thị xã ST, thành phố Hà Nội.

- Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn D:

+ Ông Nguyễn Danh S, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý thành phố Hà Nội.

+ Ông Nguyễn Hữu Th, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý thành phố Hà Nội.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 26.02.2020, Nguyễn Tuấn A đang chơi bi-a tại quán Bi-a 79 ở thôn Nhà Thờ, xã KS, thị xã ST cùng chị Nguyễn Thị Lệ H, Đỗ Tất Đ và Trương Văn D thì nhìn thấy anh Phùng Văn N còn gọi là “N Tào” ngồi sau xe của anh Vũ Hoài N đi ngang qua. Do anh Phùng Văn N đang nợ Tuấn A 3.500.000 đồng từ lâu vẫn chưa trả nên Tuấn A hô mọi người đuổi theo N để tính chuyện nợ nần. Tuấn A điều khiển xe máy Ducati mini, không lắp BKS chở H, D điều khiển xe máy Dream, BKS: 29Z3- 426 chở Đ đuổi theo xe của Vũ Hoài N. Khi đuổi kịp, xe

Tuấn A chặn trước đầu xe, xe D chặn phía đuôi xe của N. Tuấn A túm áo kéo xuống, chửi và đánh Phùng Văn N rồi chạy vào lề đường nhặt 01 viên gạch bằng xi măng ném vào chân phải N nhưng N nhảy lên tránh được. Đ chạy đến dùng tay phải đâm vào mặt N. Phùng Văn N bỏ chạy vào một ngõ gần đó còn Nguyễn Hoài N phóng xe bỏ chạy. Tuấn A, Đ, D chạy đuổi theo Phùng Văn N nhưng không thấy, Tuấn A nói với cả nhóm: “Đi về phòng trọ lấy đồ đuổi theo thằng N, tìm nó đánh cho nó trận”.

Khi cả nhóm về đến phòng trọ của Tuấn A tại thôn KĐ 2, xã KS thì Tuấn A bảo Đ gọi cho Nguyễn Viết C sang. Khi C đi xe máy Honda wave alpha BKS: 29U1- 344.75 đến thì Tuấn A rủ mọi người đi tìm “N Tào” để đánh. Đ, D, C cùng đồng ý. Tuấn A lấy 01 gậy bóng chày bằng kim loại màu đen, dài khoảng 60cm đưa cho D cầm rồi điều khiển xe Dream BKS 29Z3- 426 chở D phía sau còn C chở Đ bằng xe Wave alpha của mình.

Khi nhóm Tuấn A đi đến đoạn đường liên thôn ở khu vực thôn Nhà Thờ thì Tuấn A nhìn thấy anh Phùng Văn N đang ngồi sau xe của anh Hoài N. Tuấn A phóng xe đuổi theo và áp sát xe của anh Hoài N. Văn N định bỏ chạy thì bị Tuấn A túm áo, đâm, đá vào mặt, vào người Văn N. Sau đó, Tuấn A lấy gậy bóng chày đang cầm trên tay vụt vào chân, vào người Văn N, vừa đánh vừa chửi và yêu cầu Văn N trả nợ. D, C, Đ cũng lao vào đâm đá liên tiếp vào mặt, vào người Văn N. Khi Văn N ngã xuống ven đường, định bỏ chạy, Tuấn A lấy gậy bóng chày vụt vào chân, vào lưng Văn N. Các đối tượng vẫn tiếp tục đánh N. Quá trình đánh, C cũng chửi và yêu cầu Văn N trả tiền. Văn N biết nhóm Tuấn A tìm đánh mình là để đòi nợ, dù có 3.320.000 đồng trong người nhưng Văn N không muốn trả nên đã xin khát, sau đó xin trả trước một ít nhưng Tuấn A không đồng ý. N nói “tiền đang đưa mẹ cầm”. Thấy vậy, C liền nói: “thôi đưa nó về nhà lấy tiền”. Tuấn A đồng ý, túm tóc Văn N quát lên xe, đồng thời bảo D lái xe. Văn N cho biết mẹ mình đi làm không có nhà, Tuấn A đưa N về nhà mình. C, Đ đi xe máy theo sau. Anh Hoài N can ngăn không được đã phóng xe đi và sau đó đến trình báo cơ quan Công an.

Về đến sân nhà Tuấn A, Tuấn A để N xuống ngồi ở thềm hè. Tuấn A chửi và yêu cầu N trả nợ hoặc gọi người nhà mang tiền đến trả hết nợ thì mới cho về. Do có việc bận nên C đi về. N xin trả trước 1.000.000 đồng nhưng Tuấn A không đồng ý. Thấy to tiếng trên sân, ông Nguyễn Văn H là bố của Tuấn A đi từ bếp lên và yêu cầu không ai được đánh N nữa, rồi quay xuống bếp. N đi theo vào bếp, cầm 1.000.000 đồng đưa cho ông H nhờ ông H nói với Tuấn A xin trả trước 1.000.000 đồng. Ông H cầm tiền ra đưa cho Tuấn A nhưng Tuấn A không cầm và cho biết phải trả hết mới lấy. Ông H vào bếp đưa lại tiền cho N rồi đi lên nhà. Tuấn A bảo D và Đ đứng canh bên ngoài, không cho N chạy thoát, còn Tuấn A đứng ở sân bếp chửi N. Sau đó, C dẫn theo bạn gái là Nguyễn Thị Thu V quay lại nhà Tuấn A chơi. Khi C và V đến, Tuấn A đang ở trong bếp, C cũng đi vào. Tuấn

A cầm 1 con dao bằng kim loại màu trắng, dài khoảng hơn 20cm và vào mặt N 2-3 cái, yêu cầu N hôm nay trả hết tiền không thì không cho N về. Ông H vào can ngăn, giằng lấy dao của Tuấn A, Tuấn A vẫn chửi N và dùng chân đạp 01 cái vào mồm N. Ông H đẩy Tuấn A và C ra khỏi bếp. Tuấn A ra phía ngoài cùng Đ, D trông không cho N bỏ trốn. C đứng ở đó một lúc rồi đưa V về. Tuấn A bảo D đi đón H sang nhà Tuấn A. Trong lúc Tuấn A đánh chửi N ở trong bếp, Đ đã quay video và phát trực tiếp lên facebook cá nhân của mình.

Khi Tuấn A đang đứng canh bên ngoài cùng Đ, D thì N gọi Tuấn A vào bếp trả cho Tuấn A 2.000.000 đồng và xin nợ lại 1.500.000 đồng. Tuấn A cầm 2.000.000 đồng nhưng vẫn bắt N gọi mẹ sang trả nốt 1.500.000 đồng thì mới cho về. Sau đó, Tuấn A đi lên sân nhà, đưa cho H 2.000.000 đồng nói là tiền N vừa trả và bảo H cất tiền vào ví cho Tuấn A. Đến khoảng 18h15 phút cùng ngày, trong khi Tuấn A, Đ, D đang ngồi canh giữ N ở trước cửa bếp thì lực lượng Công an xã KS phát hiện và bắt quả tang, thu giữ vật chứng và đưa các đối tượng về trụ sở làm việc.

Vật chứng thu giữ gồm: 5.920.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước đang lưu hành; 01 ví giả da màu đen; 01 xe máy kiểu Dream, BKS: 29Z3- 426, màu nâu, số khung: CT100J1332355, số máy: CT100E 1332398, đã qua sử dụng; 01 xe máy Yamaha màu đỏ xanh đen, lốc máy có chữ THAILAND, không BKS, số khung: RL1DCH5L1AA501796, số máy: VZS152FMH\*501796\*, đã qua sử dụng; 01 BKS xe máy nền màu trắng, chữ số màu đen: 23M1-134.94, đã cũ, gắn giá treo biển bằng kim loại màu xanh; 01 giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô, xe máy số 007633 do Công an huyện YM, tỉnh HG cấp ngày 28/3/2018 đối với chiếc xe máy Yamaha YMHTHAILAND, BKS: 23M1-134.94, số khung: RL1DCH5L1AA501796, số máy: VZS152FMH\*501796\* mang tên Hoàng Văn T ; 01 điện thoại Iphone màu trắng xám, số imel: 352044079647212, đã qua sử dụng (thu giữ của Tuấn A); 01 xe máy nhãn hiệu Honda wave alpha, BKS: 29U1-344.75, màu trắng- đen- bạc, số khung: RLHJA3901HY560953, số máy: JA39E-0536098, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Iphone, vỏ mặt sau màu trắng bạc, vỏ mặt trước màu đen bị nứt, số imel: 352044076062241, đã qua sử dụng ( thu giữ của C); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi MIA3, màu trắng, số imel 1: 868489046367310, số imel 2: 868489046367328, đã qua sử dụng ( thu của Đ); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu trắng, số imel: 353253071018509, đã qua sử dụng (thu giữ của D); 01 con dao bằng kim loại, đã qua sử dụng; 01 gậy bóng chày bằng kim loại màu đen, đã qua sử dụng.

Ngày 16.3.2020, cơ quan CSĐT- CATX ST đã ra Quyết định số 96/QĐ-CQĐT trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự- Công an thành phố Hà Nội giám định số khung, số máy của 03 chiếc xe máy nêu trên. Tại Bản kết luận giám định số 2794/KL-PC09- Đ3 ngày 15/4/2020, phòng kỹ thuật hình sự- CATP Hà Nội kết luận: số khung, số máy của 03 chiếc xe gửi giám định đều là số nguyên thủy.

Ngày 20.4.2020, cơ quan CSĐT- CATX ST đã ra Quyết định số 129/QĐ-CQĐT trưng cầu Viện khoa học hình sự, Bộ Công an giám định thương tích và tỉ lệ tổn thương cơ thể của anh Phùng Văn N. Tuy nhiên, anh N từ chối giám định thương tích, chỉ yêu cầu Tuấn A, Đ, D, C mỗi người bồi tH cho mình 5.000.000 đồng tiền chi phí điều trị và tổn thất về sức khỏe, tinh thần.

Đối với ông Nguyễn Văn H là người đã chứng kiến việc Tuấn A và đồng bọn giữ N tại nhà mình để bắt N phải trả nợ. Chứng kiến việc Tuấn A dùng dao vả vào mặt N, dùng chân đá vào miệng N. Tuy nhiên, ông H là bố đẻ của Tuấn A và đã can ngăn các hành vi của Tuấn A nên cơ quan điều tra không đưa ra hình thức xử lý.

Đối với Nguyễn Thị Lệ H là người biết việc Tuấn A và đồng bọn tìm đánh N, chứng kiến việc Tuấn A, Đ đánh N và chứng kiến việc N bị giữ ở nhà Tuấn A nhưng không tham gia vào sự việc trên nên cơ quan điều tra không đưa ra hình thức xử lý.

Đối với Nguyễn Thị Thu V chứng kiến việc Tuấn A và đồng bọn giữ N ở trong bếp, việc Tuấn A đánh N ở trong bếp nhưng không tham gia, không biết rõ sự việc nên cơ quan điều tra không đưa ra hình thức xử lý.

Về hành vi Tuấn A cho Phùng Văn N vay 3.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Từ cuối tháng 10.2019 đến cuối tháng 12.2019, N đã trả lãi cho Tuấn A 3 lần (lần 1: 900.000 đồng, lần 2: 200.000 đồng, lần 3: 400.000 đồng) tổng là 1.500.000 đồng. Sau đó, Tuấn A thống nhất không tính lãi ngày của khoản vay 3.000.000 đồng nữa. Cuối tháng 12.2019, hai bên chốt số nợ còn lại N phải trả Tuấn A là 3.500.000 đồng. Hành vi của Tuấn A không cấu thành tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” nên cơ quan điều tra không đưa ra hình thức xử lý.

Đối với chiếc xe máy kiểu Dream, BKS: 29Z3- 426, màu nâu, số khung: CT100J1332355, số máy: CT100E 1332398, đã qua sử dụng, quá trình điều tra, chưa xác định được chủ sở hữu nên cơ quan điều tra tách tài liệu liên quan đến chiếc xe trên ra khỏi hồ sơ vụ án để xác minh, làm rõ sau.

Về dân sự: Quá trình tiến hành tố tụng tại Tòa án, anh Phùng Văn N đã nhận bồi thường của Nguyễn Tuấn A 5.000.000 đồng, của Đỗ Tất Đ, Trương Văn D và Nguyễn Viết C mỗi người 3.000.000 đồng. Anh N có đơn xác nhận việc bồi tH, không có yêu cầu gì khác và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 72/CT-VKSST, ngày 17.7.2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã ST đã truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn A, Đỗ Tất Đ, Trương Văn D và Nguyễn Viết C về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 và tội “Cướp tài sản” theo Điểm d Khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2020/HSST ngày 18.8.2020 của TAND thị xã ST, TP. Hà Nội đã quyết định:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 157, Điểm d Khoản 2 Điều 168, Điều 17, Điều 38, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A 7 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”; 12 (mười hai) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Tuấn A phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **08** (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26.02.2020.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 157, Điều 17, Điều 38, Điểm d Khoản 2 Điều 168, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Viết C 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”; 9 (chín) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Viết C phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **06** (sáu) năm **03** (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 21.5.2020, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26.02.2020 đến ngày 06.3.2020.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 157, điểm d Khoản 2 Điều 168, Điều 17, Điều 38, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Tất Đ 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”; 6 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc Đỗ Tất Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **04** (bốn) năm. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 21.5.2020, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26.02.2020 đến ngày 06.3.2020.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 157, Điểm d Khoản 2 Điều 168, Điều 17, Điều 38, Điểm b, s Khoản 1, Khoản Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn D 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”; 6 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Áp dụng điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc Trương Văn D phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **04**(bốn) năm. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 21.5.2020, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26.02.2020 đến ngày 06.3.2020.

Ngoài ra bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 28.8.2020 bị cáo Nguyễn Viết C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28.8.2020 bị hại Phùng Văn N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án hình sự sơ thẩm mà TAND thị xã ST đã xét xử các bị cáo. Bị cáo phạm tội do bị Tuấn A rủ rê, tham gia với vai trò giúp sức đánh N để N phải trả tiền cho Tuấn A. Khi N bảo mẹ cầm tiền thì bị cáo có bảo đưa N nhà về lấy tiền, khi Tuấn A đưa N về nhà thì bị cáo mới biết, bị cáo có chứng kiến việc Tuấn A giữ và đánh anh N ở nhà để đòi tiền. Bị cáo giúp sức nhưng không tham gia từ đầu đến cuối nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án xác định Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội Cướp tài sản và Bắt, giữ người trái pháp luật là đúng người đúng tội, các tình tiết giảm nhẹ Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là có căn cứ, về tính chất hành vi của bị cáo C tham gia với vai trò giúp sức, đánh người không sử dụng hung khí, có hành vi giúp sức không chế N đưa về nhà và chứng kiến việc Tuấn A giữ người đòi tiền. Tại phiên tòa bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, tuy nhiên bị hại có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xét sự giúp sức của bị cáo có mức độ nên chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điểm b Khoản 1 Điều 355, Điểm c Khoản 1 Điều 357 – BLTTHS sửa bản án hình sự sơ thẩm của TAND thị xã ST, xử phạt Nguyễn Viết C từ 05 năm đến 05 năm 03 tháng tù về tội Cướp tài sản, từ 05 đến 06 tháng tù về tội Bắt, giữ người trái pháp luật, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 05 năm 05 tháng đến 05 năm 09 tháng tù. Các bị cáo khác không có kháng cáo nên không xem xét.

[3] Xét về hình thức đơn kháng cáo của bị cáo, bị hại: Đã tuân thủ đúng theo quy định về chủ thể, thủ tục và thời hạn kháng cáo tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[4] Xét nội dung kháng cáo:

Xuất phát từ việc Công anh Phùng Văn N nợ tiền bị cáo Tuấn A không trả và cố tình trốn tránh, chiều ngày 26.02.2020 khi nhìn thấy anh N đi ngang qua chỗ các bị cáo đang chơi thì Tuấn A đã rủ Đ, D và C đi tìm N đòi nợ. Khi gặp N các bị cáo đã có hành vi đánh anh N yêu cầu trả nợ, do anh N không trả tiền nên các bị cáo đã đưa anh N về nhà Tuấn A, tại đây các bị cáo Tuấn A, Đ, D đã giữ người với mục đích đòi anh N phải trả tiền mới thả người. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội Cướp tài sản và Bắt, giữ người trái pháp luật là có căn cứ và đúng pháp luật. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã bồi tH khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị cáo Đ và D phạm tội khi chưa thành niên. Tuy nhiên, trong vụ án này số tiền mà các bị cáo chiếm đoạt không lớn, việc Công anh N nợ tiền Tuấn A là có thật và cố tình trốn tránh không trả nên xác định bị hại là người có lỗi. Do vậy HĐXX chấp nhận yêu

cầu kháng cáo của bị cáo và bị hại, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo C. Ngoài ra, để đảm bảo sự C bằng của các bị cáo trước pháp luật, mặc dù các bị cáo khác không có kháng cáo nhưng HĐXX vẫn xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo còn lại.

Đối với tội Bắt, giữ người trái pháp luật bị cáo C có vai trò thấp nhất nên mức án của bị cáo C phải thấp hơn bị cáo Đ và D nên HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo C ở tội danh này.

Đối với tội Cướp tài sản do có tình tiết giảm nhẹ mới, các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên HĐXX áp dụng Điều 54 – BLHS giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo.

Các phần khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

#### QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 355, Điểm c Khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Viết C và bị hại Phùng Văn N, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2020/HSST ngày 18.8.2020 của Tòa án nhân dân thị xã ST, TP. Hà Nội.

2. - Áp dụng Khoản 1 Điều 157, Điểm d Khoản 2 Điều 168, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58 - Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Tuấn A 06** (sáu) năm tù về tội “Cướp tài sản”; **01** (một) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Tuấn A phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **07** (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26.02.2020.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 157, Điểm d Khoản 2 Điều 168, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58 - Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Viết C 04** (bốn) năm **09** (chín) tháng tù về tội “Cướp tài sản”; **06** (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Viết C phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **05** (năm) năm **03** (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 21.5.2020, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26.02.2020 đến ngày 06.3.2020.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 157, điểm d Khoản 2 Điều 168, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 101 - Bộ



luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Đỗ Tất Đ 02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”; **06** (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc **Đỗ Tất Đ** phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **03** (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 21.5.2020, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26.02.2020 đến ngày 06.3.2020.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 157, Điểm d Khoản 2 Điều 168, Điểm b, s Khoản 1, Khoản Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 101 - Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trương Văn D 02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”; **06** (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc **Trương Văn D** phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **03** (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 21.5.2020, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26.02.2020 đến ngày 06.3.2020.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND Thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS thị xã ST;
- VKSND thị xã ST;
- TAND thị xã ST;
- Trại tạm giam Hà Nội I;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Chữ Phương Ngọc***



